

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Ngô Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hiếu Ng - Sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa anh T xin vắng mặt, chị Ng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và cô Trần Thị Hiếu Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được UBND xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường, cho đến tháng 7/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau và đánh nhau, cũng từ tháng 7/2019 đến nay cô Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân không

quan tâm đến nhau. Ngày 20/11/2020 cô Ng có đơn xin thuận tình ly hôn gửi anh nhưng anh không ký đơn vì con còn nhỏ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên anh xin được ly hôn cô Trần Thị Hiếu Ng.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với cô Ng. Nay ly hôn anh đề nghị do con còn nhỏ, cô Ng chăm sóc tốt, nên anh giao cháu M cho cô Ng trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay anh lao động tự do thu nhập 07 triệu 01 tháng.

- *Về tài sản chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Tại bản tự khai, bị đơn chị Trần Thị Hiếu Ng trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới vào tháng 10/2018 và được UBND xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường, cho đến tháng 7/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T quan hệ với người phụ nữ khác khi chị có bầu nên xảy ra cãi nhau và đánh nhau. Do không chịu đựng được nên từ tháng 7/2019 chị bế con về nhà ngoại ở thôn Liên Châu, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, chưa một lần anh T thăm con và chị. Nay anh T có đơn xin ly hôn, nguyện vọng của chị là con còn nhỏ thiếu thốn tình cảm nên chị không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay chị mở quán thu nhập 10 triệu 01 tháng.

- *Về tài sản chung*: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành làm việc tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết*: Chị Ng và anh T là vợ chồng, kết hôn năm 2018 và UBND xã Hợp Lý cấp giấy kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ. Từ tháng 7/2019 chị Ng đã bỏ về nhà bên ngoại sinh sống, không thấy chị Ng quay về địa phương. Anh T và chị Ng có 01 con chung là Nguyễn Hà M, hiện cháu đang ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định

pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn chị Ng; Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Hà M cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ng mỗi tháng là 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Anh T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị Ng và anh T đều có địa chỉ cư trú tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Trần Thị Hiếu Ng không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 02/6/2022. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T và chị Ng.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị Hiếu Ng kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T và chị Ng vợ chồng sau khi cưới vợ chồng sống đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau và đánh nhau và từ tháng 7/2019 chị Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Chị Ng xin được đoàn tụ.

Xét thấy: Chị Ng mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của chị và anh T đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và từ tháng 7/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Theo xác nhận của UBND xã Hợp Lý thể hiện hiện chị Ng đã bỏ về nhà ngoại ở và không quay về địa phương sinh sống.

Mặc dù chị Ng không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị Ng không có mặt và tại phiên tòa chị cũng vắng mặt, chứng tỏ chị không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh T đã thực sự không còn tình cảm với chị Ng, chị Ng không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng và thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm chăm sóc nhau. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho anh T được ly hôn chị Ng là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/5/2019. Nay ly hôn anh T và chị Ng đều đề nghị giao con cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ng mỗi tháng là 1.000.000đồng. Xét thấy nguyện vọng giao con của anh T cho chị Ng nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng và tự nguyện. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu M còn nhỏ và đang ở với chị Ng, chị chăm sóc tốt, ngoài ra chị Ng hiện mở quán bán hàng có thu nhập đủ để nuôi con. Vì vậy, để cuộc sống của cháu M không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho cháu. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GD giao cháu M cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của chị Ng và anh T, xét thấy mức cấp dưỡng anh và chị đưa ra là không cao so với mức với thu nhập cũng như mức sống hiện nay tại địa phương, nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đồng là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ng mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ng và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Duy T là nguyên đơn trong vụ án nên buộc anh T phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d và 300.000đồng án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy T.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Duy T và chị Trần Thị Hiếu Ng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 01 con chung là:

Nguyễn Hà M - Sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019.

2.2. Giao con chung là Nguyễn Hà M cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Nguyễn Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng mỗi một tháng là 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Hà M đủ 18 tuổi.

2.4. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Ng và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000^d tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0006563 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh T còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hợp Lý (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

